Mẫu số 02/QĐ-CKNS

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CN QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 748a/QĐ-ĐHCNQN

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán NSNN quý III năm 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Báo cáo số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý III năm 2025 của Trường ĐH Công nghiệp Quảng Ninh;

Xét đề nghị của Kế toán trưởng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý III năm 2025 của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Tổ chức – Hành chính và các đơn vị liên quan trong toàn trường chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ Công Thương (B/c);
- Trang https://qui.edu.vn;
- Lưu: VT, KH.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

Hoàng Hùng Thắng

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CN QUẢNG NINH
Chương: 016

Biểu số 3
(BH kèm theo TT số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của BTC)

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ III NĂM 2025

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện lũy kế hết quý III/2025	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
1	Số thu phí, lệ phí, thu sự nghiệp khác	16.040	8.020	50,00	102,49
1.1	Lệ phí				
	Lệ phí tuyển sinh	40	20	50,00	111,11
1.2	Phí				
	Học phí	16.000	8.000	50,00	102,47
1.3	Thu sự nghiệp khác	-	-		
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	16.040	18.600		237,70
2.1	Chi sự nghiệp	16.040	18.600		237,70
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	16.040	18.600		237,70
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính	-			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	-	-	-	-
3.1	Lệ phí				
3.2	Phí				
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**42.251**	**28.974**	**68,58**	**352,20**
1	Chi quản lý hành chính	-	-	-	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Nghiên cứu khoa học	-	-		
2.1	Kp thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- N.vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện lũy kế hết quý III/2025	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	42.251	28.974	68,58	352,20
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	23.028	17.800	77,30	371,41
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên NSNN cấp	23.028	17.800	77,30	371,41
b	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên khác				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	19.223	11.174	88	325,39
a	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên NSNN cấp	4.581	774	16,90	516,00
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên NS Tỉnh cấp (Đào tạo LHS Lào)	14.642	10.400	71,03	316,69
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi SN phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
11	Chi Chương trình mục tiêu				

Ngày 12 tháng 10 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

Hoàng Hùng Thắng